PHÁP LUẬT VỀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ TRONG BẦU CỬ: KINH NGHIỆM HOA KÌ, ẤN ĐỘ, ESTONIA VÀ NHỮNG GỢI Ý CHO VIỆT NAM

HOÀNG THỊ MINH PHƯƠNG
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 05/5/2025. Sửa chữa xong 10/5/2025. Duyệt đăng 15/5/2025.

Abstract

In recent decades, the application of scientific and technological advancements in elections—particularly in the voting process has gained increasing global attention, aiming to strengthen democracy and broaden electoral participation. As a result, electronic voting has been introduced and developed in various countries. This article analyzes the current legal frameworks governing electronic voting in the United States, India, and Estonia, and offers several recommendations for Vietnam to consider in adopting this voting method in future elections.

Keywords: *Electronic voting, elections, legal framework, international experiences.*

1. Đặt vấn đề

Bỏ phiếu giấy truyền thống là hình thức được áp dụng trong các cuộc bầu cử ở Việt Nam hiện nay. Các cuộc bầu cử đã đạt được những thành công nhất định nhưng tiếp tục hoàn thiện hơn nữa quy trình bầu cử phù hợp với sự những thay đổi trong đời sống và xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số là điều cần thiết. Bỏ phiếu điện tử đã được giới thiệu và áp dụng từ những năm đầu của thập niên 90 ở một số các quốc gia trên thế giới [1, tr.4]. Bỏ phiếu điện tử đem lại những lợi ích như tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, tiết kiệm thời gian và chi phí trong bầu cử, đảm bảo kết quả bầu cử chính xác hơn… Do đó, việc nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng các quy định pháp lý về bỏ phiếu điện tử có giá trị tham khảo cho Việt Nam khi xem xét áp dụng hình thức bỏ phiếu mới này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Pháp luật về bỏ phiếu điện tử trong bầu cử ở một số nước

Trước hết, thật khó để tách biệt giữa định nghĩa, phân loại và đặc trưng của bỏ phiếu điện tử, mặc dù, cho đến này đã có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về bỏ phiếu điện tử trong nhiều lĩnh vực và mỗi nghiên cứu đều có góc nhìn riêng. Tuy nhiên, nhìn chung, có thể khẳng định, bỏ phiếu điện tử là một khái niệm rộng, được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau phụ thuộc vào sự phát triển của công nghệ và việc ứng dụng các công nghệ trong các giai đoạn của thủ tục bầu cử. Nhưng về bản chất, bỏ phiếu điện tử là sự ứng dụng các phương tiện điện tử vào quá trình thực hiện quyền bầu cử của công dân, công dân có thể trực tiếp tác động hoặc kiểm soát được quy trình đó. Đó là ranh giới quan trọng để xác định các phương tiện điện tử áp dụng cho các thủ tục bầu cử có phải là bỏ phiếu điện tử hay không. Ví dụ, ban đầu, một số quốc gia áp dụng các máy bỏ phiếu mục đích tạo điều kiện cho người dân bỏ phiếu thuận lợi hơn cũng như tiết kiệm thời gian và minh bạch trong việc đếm phiếu. Tuy nhiên, sau đó, nhiều câu hỏi được đặt ra là làm thế nào để đảm bảo rằng các phiếu đã được đếm. Vì vậy, các máy truy vết giấy đã ra đời và nó cũng được coi là bỏ phiếu điện tử bởi công dân có thể trực tiếp tác động và kiểm soát quy trình bỏ

(*) Sản phẩm trong khuôn khổ Đề tài nghiên cứu khoa học "Bỏ phiếu điện tử trong bầu cử - Kinh nghiệm ở một số nước trên thế giới và khuyến nghị cho Việt Nam" của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Email: minhphuong@gmail.com.

phiếu. Ví dụ minh họa này đã làm thay đổi quan niệm về bỏ phiếu điện tử.

2.1.1. Hoa Kỳ

Bỏ phiếu điện tử vẫn là một hình thức hợp pháp ở Hoa Kỳ. Theo quy định tại Điều 1, phần 4 của Hiến pháp Hoa Kỳ đã nêu rõ: "*Thời gian, địa điểm và cách thức tổ chức bầu cử... sẽ do cơ quan lập pháp của mỗi bang quy định*". Vì vậy, hướng dẫn của Uỷ ban hỗ trợ bầu cử của Hoa Kỳ (viết tắt tiếng Anh là: EAC) về công nghệ bỏ phiếu là tự nguyện, mỗi tiểu bang được tự do soạn thảo luật riêng [2]. Do đó, quy định về bỏ phiếu điện tử ở Hoa Kỳ vẫn được nhiều bang quy định và nội dung pháp luật về bỏ phiếu điện tử của các tiểu bang ở Hoa Kỳ cũng rất đa dạng, có thể chỉ ra một số đặc điểm sau:

a. Quy định về cử tri có quyền bỏ phiếu điện tử trong bầu cử. Ở Hoa Kỳ, bầu cử là quyền của công dân, theo quy định của luật pháp Hoa Kỳ, công dân có quyền lựa chọn hình thức bỏ phiếu giấy, bỏ phiếu bằng máy chấm quang học hoặc bỏ phiếu bằng máy quét quang học. Như vậy, bỏ phiếu điện tử là một trong số các hình thức bỏ phiếu được các bang đưa ra chứ không phải là hình thức duy nhất. Việc lựa chọn bỏ phiếu điện tử hay hình thức khác là quyền của cử tri và theo quy định cụ thể của từng bang.

Đối với bỏ phiếu điện tử trực tuyến, dù việc quy định có áp dụng hay không là do pháp luật của các bang nhưng với những rủi ro nghiêm trọng về an ninh của hình thức này vì vậy, cho đến nay, pháp luật Hoa Kỳ không cho phép hình thức này được áp dụng rộng rãi trong các cuộc bầu cử ở cấp độ liên bang. Hình thức này chỉ áp dụng đối với những trường hợp thực sự cần thiết để bảo đảm quyền của một số nhóm cử tri đặc thù (quân nhân, công dân Hoa Kỳ ở nước ngoài, người khuyết tật…). Theo Hội đồng Lập pháp Tiểu bang Quốc gia, 26 tiểu bang và Washington, D.C., cho phép cử tri quân nhân và ở nước ngoài trả lại lá phiếu của họ qua email và bảy tiểu bang cho phép những cử tri đó trả lại lá phiếu của họ bằng cổng thông tin trực tuyến. Một số tiểu bang khác cho phép cử tri trả lại lá phiếu qua fax [3]. Ngoài ra, 13 tiểu bang cho phép cử tri khuyết tật sử dụng một hoặc nhiều phương pháp đó để bỏ phiếu và dường như mỗi năm, một hoặc hai tiểu bang dần dần mở rộng đối tượng cử tri được cung cấp tùy chọn này. Đối với bỏ phiếu điện tử trực tiếp, so với bỏ phiếu điện tử trực tuyến, pháp luật quy định cử tri được lựa chọn hình thức này rộng rãi hơn. Lượng cử tri sử dụng bỏ phiếu điện tử trực tiếp chủ yếu trên cơ sở lựa chọn và khả năng cung cấp các máy bỏ phiếu của chính quyền.

b. Quy định về tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục bỏ phiếu điện tử. Cũng như quy định về cử tri được bỏ phiếu điện tử, quy định về tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục bỏ phiếu điện tử phần lớn dựa theo pháp luật của mỗi bang. Để đảm bảo an toàn, an ninh khi sử dụng bỏ phiếu điện tử, chính quyền các bang Hoa Kỳ đã có quy định về tiêu chuẩn của máy bỏ phiếu điện tử trực tiếp. Chẳng hạn, ở Bang Pennsylvania, quyền Bộ trưởng Ngoại giao Robert Torres đã ban hành chỉ thị cho các viên chức bầu cử của quận quy định rằng tất cả các thiết bị bỏ phiếu được mua sau đó phải có hồ sơ giấy về tất cả các phiếu bầu vào ngày 9 tháng 2 năm 2018. Chỉ thị không bắt buộc các quận phải mua thiết bị mới, nhưng đã thiết lập các thông số kỹ thuật cho thiết bị mới mà các quận có thể mua nếu họ chọn thay thế hệ thống bỏ phiếu hiện tại của mình.

2.1.2. Ấn Độ

Ấn Độ đã theo đuổi và áp dụng các công nghệ để hợp lý hóa quy trình bầu cử của mình để trở thành một nền dân chủ lớn nhất trên thế giới. Từ những năm 1990, máy bỏ phiếu điện tử đã trở thành phương tiện tiêu chuẩn để tiến hành bầu cử Ấn Độ, thay thế các là phiếu giấy truyền thống và các phương pháp kiểm phiếu thủ công. Các cuộc bầu cử ở Ấn độ tuân thủ theo Đạo luật về đại diện (Representation of the People Act 1951) và Hướng dẫn về những nguyên tắc bầu cử 1961 (the Conduct of Elections Rules 1961). Những văn bản này cung cấp khung pháp lý cho việc sử dụng các máy bỏ phiếu điện từ trong các cuộc bầu cử. Ủy ban Bầu cử Ấn Độ có trách nhiệm trong việc hướng dẫn các cuộc bầu cử và ban hành những hướng dẫn sử dụng các máy bỏ phiếu điện tử. Ủy ban Bầu cử cũng xây dựng những thủ tục chặt chẽ về lưu trữ, vận chuyển và triển khai máy bỏ phiếu điện tử.

Mặc dù Hiến pháp Ấn Độ không quy định chi tiết về bỏ phiếu điện tử, nhưng đã quy định những nguyên tắc cơ bản trong tiến hành các cuộc bầu cử. Cụ thể, Hiến pháp Ấn Độ dành một phần (Phần XV) với 7 điều (từ Điều 324 đến Điều 392A) để quy định về các cuộc bầu cử. Các quy định này chủ yếu

tập trung xác định thẩm quyền của Ủy ban Bầu cử trong việc giám sát, chỉ đạo và kiểm soát bầu cử, về nguyên tắc lập danh sách cử tri dựa trên bình đẳng, nguyên tắc phổ thông đầu phiếu; thẩm quyền của Nghị viện trong việc ban hành các văn bản quy định về các cuộc bầu cử quốc gia và cơ quan lập pháp của bang; giới hạn của Tòa án trong việc can thiệp vào bầu cử và một điều khoản đặc biệt về cuộc bầu cử Tổng thống và Chủ tịch Thượng viện.

Văn bản pháp lý quan trọng thứ hai là Đạo luật Đại diện nhân dân năm 1950 quy định về việc phân bổ ghế Hạ viện và các cơ quan lập pháp các bang; tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên của Nghị viện và cơ quan lập pháp bang, xác định các khu vực bầu cử và lập danh sách cử tri. Tính đến thời điểm hiện nay, đạo luật này đã trải qua hai lần sửa đổi, bổ sung tạo hành lang pháp lý cho việc áp dung bỏ phiếu điện tử và bắt kịp với sự phát triển trong công nghệ. Cụ thể, Đạo luật Đại diện nhân dân sửa đổi năm 2003 bổ sung các quy định về sử dụng máy bỏ phiếu điện tử, quy trình kiểm phiếu và các biện pháp bảo mật cho máy bỏ phiếu, tăng cường sự tin tưởng vào quá trình bầu cử, giảm các nguy cơ gian lận hoặc giả phiếu bầu. Vào năm 2010, Đạo luật Đại diện của nhân dân tiếp tục có những sửa đổi bổ sung tập trung vào đưa ra tùy chọn "Không có lựa chọn" (None of the Above – NOTA) trong các máy bỏ phiếu điện tử, tùy chọn này cho phép cử tri từ chối tất cả các ứng viên. Điều này không những bổ sung sự lựa chọn, sự tham gia của cử tri mà còn thúc đẩy trách nhiệm giải trình giữa các đảng phái chính trị.

Khung pháp lý quan trọng thứ ba cho bỏ phiếu là Hướng dẫn về nguyên tắc bầu cử 1961 do Chính phủ Ấn Độ ban hành. Hướng dẫn dành một chương để quy định rất chi tiết về bỏ phiếu điện tử. Một số các quy trình tuân thủ theo các quy định chung về bỏ phiếu ví dụ như bản sao đánh dấu của danh sách cử tri; cơ sở vật chất cho cử tri là phụ nữ; xác thực cử tri và giải quyết khiếu nại liên quan đến xác thực cử tri; cơ sở vật chất cho nhân viên phụ trách bầu cử; Các biện pháp chống lại mạo danh; Cử tri từ chối không bỏ phiếu; giải quyết trường hợp phiếu bầu bị bỏ bởi cử tri khác; quy định về sự có mặt của trưởng ban bầu cử trong phòng bỏ phiếu.

Bên cạnh đó, các quy định đặc thù cho máy bỏ phiếu như: thiết kế các máy bỏ phiếu, chuẩn bị các máy bỏ phiếu bởi các viên chức bầu cử, sắp xếp các khu vực bỏ phiếu, thành phần phụ trách bầu cử ở khu vực bỏ phiếu, chuẩn bị các máy bỏ phiếu để bầu cử, quy trình bỏ phiếu bằng máy bỏ phiếu, duy trì tính bảo mật của việc bỏ phiếu của cử tri, ghi phiếu bầu của cử tri khiếm thị hoặc khuyết tật, đóng phòng bỏ phiếu, thống kê số phiếu đã được ghi nhận, niêm phong các máy bỏ phiếu sau khi bỏ phiếu, niêm phòng các gói khác, chuyển giao máy bỏ phiếu cho người phụ trách kiểm phiếu, thủ tục hoãn bỏ phiếu, dừng sử dụng máy bỏ phiếu trong trường hợp gian lận hoặc vi phạm quy trình bầu cử.

2.1.3. Estonia

Estonia là quốc gia tiên phong và kiên trì theo đuổi áp dụng các công nghệ trong bầu cử. Về cơ bản, bỏ phiếu qua Internet phải tuân thủ tất cả các nguyên tắc cơ bản của bỏ phiếu truyền thống. Điều này giúp duy trì mối liên hệ với các cuộc bầu cử truyền thống và làm cho khái niệm về bỏ phiếu Internet trở nên dễ hiểu hơn đối với cử tri. Các nguyên tắc bầu cử cơ bản bao gồm tự do, tính phổ quát, tính thống nhất và tính bí mật (ẩn danh) của cuộc bỏ phiếu. Hiến pháp và đạo luật về bầu cử là những văn bản chính chi phối quá trình bỏ phiếu điện tử ở Estonia. Có thể điểm qua một số quy định như sau:

a. Quy định về thời gian bỏ phiếu Internet. Theo quy định tại điều 2 Đạo luật Bầu cử, cuộc bầu cử thường kì vào Quốc hội sẽ được tổ chức vào ngày chủ nhật đầu tiên của tháng 3 năm thứ cuối cùng nhiệm kì Quốc hội. Thời gian bỏ phiếu sẽ bắt đầu lúc 9 giờ sáng và kết thúc lúc 8 giờ tối. Do Chính phủ mong muốn tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân đi bỏ phiếu nên thời gian bỏ phiếu được quy định chi tiết và linh hoạt. Người dân quyền lựa chọn bỏ phiếu sớm khi đáp ứng các tiêu chuẩn do luật định. Việc bỏ phiếu sớm đối với phương thức bầu cử điện tử sẽ diễn ra từ ngày thứ 10 đến ngày thứ tư trước ngày bầu cử. Việc bỏ phiếu sẽ bắt đầu từ 9 giờ sáng vào ngày thứ 10 trước ngày bầu cử và sẽ kéo dài 24 giờ một ngày cho đến khi kết thúc bỏ phiếu vào lúc 6 giờ chiều ngày thứ tư trước ngày bầu cử[1].

b. Quy định về sổ đăng kí cử tri. Sổ đăng ký dân số Estonia được sử dụng để lập danh sách cử tri. Các

1) Đạo luật Bầu cử sửa đổi năm 2012.

danh sách tương tự được sử dụng như danh sách in tại các điểm bỏ phiếu và điện tử trên Internet. Việc biên soạn đúng, kịp thời và hiệu quả các danh sách này cho phép dễ dàng giới thiệu bỏ phiếu từ xa.

c. Quy định về nhận dạng cử tri bằng ID điện tử, thẻ căn cước Estonia và các giải pháp ID di động cung cấp một phương tiện an toàn, đã được chứng minh và tinh vi để nhận dạng cử tri trong môi trường điện tử. Giải pháp e-ID được sử dụng trong toàn bộ khu vực tư nhân và chính phủ để xác định danh tính cá nhân và để ký kỹ thuật số[2].

d. Quy định về phiếu bầu có thể xác minh. Kể từ năm 2013, một hệ thống cho phép cử tri nhận thông tin về việc phiếu bầu có được bỏ theo đúng ý định và được hệ thống trung tâm chấp nhận hay không đã được triển khai, hệ thống này có hiệu lực ràng buộc về mặt pháp lý kể từ cuộc bầu cử quốc hội năm 2015. Các kênh thứ cấp, như điện thoại thông minh được sử dụng trong vấn đề đó.

Qua khảo cứu các nước, có thể rút ra một số kết luận như sau: Đặc điểm chung của các quốc gia đó chính là các chính phủ ở cấp độ quốc gia hoặc liên bang đã nỗ lực cố gắng cung cấp thêm phương thức bỏ phiếu cho cử tri để mở rộng quyền bầu cử của cử tri hoặc các nhóm cử tri trong bối cảnh số lượng cử tri đi bầu cử có xu hướng giảm hoặc để thuận tiện cho công tác tổ chức bầu cử hoặc để đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của các cử tri trong thời đại kĩ thuật số. Hai là, các quốc gia đều xây dựng các quy định pháp lý về bỏ phiếu điện tử ở các mức độ quan tâm khác nhau. Mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia trong việc thiết kế các khung pháp lý này là sự phù hợp của bỏ phiếu điện tử với các nguyên tắc bầu cử và quy định của Hiến pháp nhằm bảo vệ tính toàn vẹn của bầu cử. Ba là, tồn tại sự ứng phó của các quốc gia với sự phát triển của khoa học kĩ thuật và công nghệ. Bốn là, bỏ phiếu điện tử được tổ chức và quản lý bởi cơ quan phụ trách bầu cử, nhấn mạnh tính độc lập của cơ quan này. Năm là, nhấn mạnh vai trò của tòa án trong sự phát triển của công nghệ này. Ở các khu vực pháp lý này, cơ chế tài phán Hiến pháp tồn tại và hữu hiệu, chính vì vậy, Tòa án không những giải quyết các tranh chấp về bầu cử mà còn xem xét, giải thích sự phù hợp của bỏ phiếu điện tử với các quy tắc của Hiến pháp.

Tuy nhiên, do thể chế chính trị và điều kiện hoàn cảnh của các quốc gia mà có những đặc trưng nhất định cho các khu vực pháp lý khác nhau. Thứ nhất, trong sự tiếp nhận bỏ phiếu điện tử. Nếu như ở Estonia, Chính phủ đã tiếp nhận bỏ phiếu điện tử một cách rất tích cực và nhanh chóng thì ở Hoa Kì và Ấn Độ là những bước đi vô cùng cẩn trọng, kĩ lưỡng trong một thời gian khá dài. Thứ hai, có sự đa dạng trong hình thức bỏ phiếu điện tử ở các khu vực pháp lý khác nhau, sự khác biệt này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó, công nghệ là yếu tố then chốt. Estonia là quốc gia tiên phong áp dụng bỏ phiếu qua Internet – hình thức được coi là tiên tiến nhất hiện nay, được tiến hành trong môi trường không kiểm soát. Cơ sở để quốc gia áp dụng công nghệ này là định danh điện tử, chữ kí số và chính phủ điện tử (sự giao thiệp giữa công dân và chính phủ thông qua môi trường điện tử; và đặc trưng về phạm vi lãnh thổ và dân cử. Bên cạnh đó, cả Hoa Kỳ và Ấn Độ áp dụng máy bỏ phiếu với các công nghệ khác nhau phụ thuộc vào nhu cầu của quốc gia, tuy nhiên, việc bỏ phiếu này có sự giám sát của tổ chức phụ trách bầu cử. Thứ ba, thiết kế các quy định bỏ phiếu điện tử. Ở Hoa Kỳ và Ấn Độ, họ lựa chọn cách thức trao thẩm quyền cho Quốc hội quy định các nguyên tắc chung nhất về bỏ phiếu điện tử như tiêu chuẩn, giám sát... và trao thẩm quyền cho các bang quy định chi tiết và lựa chọn các công nghệ bỏ phiếu điện tử như ở Hoa Kỳ hoặc trao thẩm quyền cho Ủy ban Bầu cử quốc gia ban hành các hướng dẫn về bỏ phiếu điện tử như ở Ấn Độ. Cách thức quy định này đã tạo nên sự linh hoạt pháp lý tương ứng với sự phát triển của công nghệ bỏ phiếu. Hơi khác biệt một chút trong quy định pháp lý so với Hoa Kì và Ấn Độ, Quốc hội Estonia là chủ thể ban hành pháp lý liên quan đến bỏ phiếu điện tử trong Đạo luật về bầu cử, song hành với các quy định bỏ phiếu truyền thống với ý tưởng tạo sự gần gũi của bỏ phiếu điện tử đối với người dân. Vì suy cho cùng, bỏ phiếu điện tử chỉ là phương tiện, mục đích cuối cùng của chính phủ Estonia mở rộng dân chủ và đảm bảo tối đa sự tham gia của người dân vào quá trình dân chủ.

2.2. Một số gợi ý cho Việt Nam

Dựa trên nghiên cứu so sánh ở các khu vực pháp lý khác nhau bao gồm Hoa Kỳ, Ấn Độ, Estonia và

2) Xem mô tả ngắn về chương trình xác minh tại: http://www.vvk.ee/public/Verification_of_I-Votes.pdf, truy cập 2/1/2025.

thực trạng về bầu cử nói chung và bỏ phiếu nói riêng ở Việt Nam, nhóm tác giả gợi ý một số kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo hiệu quả như sau:

2.2.1. Về lựa chọn cách thức thiết kế khung pháp lý cho bỏ phiếu điện tử của Ấn Độ, phù hợp với các nguyên tắc hệ thống pháp luật ở Việt Nam

Về khung pháp lý cho bầu cử ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp năm 2015 là những cơ sở pháp lý quan trọng cho các cuộc bầu cử và bỏ phiếu nói chung. Tại Chương VII thiết lập các nguyên tắc trong việc bỏ phiếu và trình tự bỏ phiếu. Cho đến thời điểm hiện tại, các cuộc bỏ phiếu ở Việt Nam theo phương thức truyền thống – bỏ phiếu giấy. Chính vì vậy, trong trường hợp, Việt Nam quyết định áp dụng bỏ phiếu điện tử. Việc làm vô cùng cần thiết là tạo hành lang pháp lý cho hoạt động này. Trước hết, bổ sung các điều trong Chương VII Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 về bỏ phiếu điện tử và trình tự bỏ phiếu điện tử. Hai là, chỉ bổ sung một quy định về phương thức bỏ phiếu mới trong luật bầu cử. Giao cho Hội đồng bầu cử có những hướng dẫn chi tiết về bỏ phiếu điện tử và quy trình bỏ phiếu, dự liệu các tình huống trong bỏ phiếu điện tử... Như vậy không những đảm bảo tính ổn định, lâu dài của luật mà còn đảm bảo theo kịp sự phát triển của công nghệ.

2.2.2. Quy định về loại hình bỏ phiếu điện tử, ưu tiên lựa chọn bỏ phiếu qua Internet (website hoặc ứng dụng). Bỏ phiếu điện tử như là một phương thức bổ sung

Việt Nam đang trong tiến trình chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ vào mọi mặt của đời sống xã hội. Theo một báo cáo, tính đến tháng 1/2024, Có 78,44 triệu người dùng Internet ở Việt Nam vào đầu năm 2024, khi tỷ lệ sử dụng Internet ở mức 79,1%. Việt Nam là nơi có 72,70 triệu người dùng mạng xã hội vào tháng 1 năm 2024, tương đương 73,3% tổng dân số. Tổng cộng có 168,5 triệu kết nối di động di động đã hoạt động ở Việt Nam vào đầu năm 2024, con số này tương đương với 169,8% tổng dân số [4]. Bên cạnh đó, Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn năm 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được triển khai từ đầu năm 2022 và đạt được những kết quả nhất định như hoàn thành cấp 100% căn cước công dân gắn chip cho công dân trong độ tuổi, cấp trên 70 triệu tài khoản định danh điện tử. Đẩy mạnh sử dụng ứng dụng định danh điện tử (VneID) [5]. Các chủ trương, chính sách này không chỉ đạt được mục tiêu chính phủ điện tử mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng bỏ phiếu điện tử trong tương lai. Có thể thấy, cơ sở hạ tầng kĩ thuật ở Việt Nam trong thời gian tới sẽ đáp ứng được các yêu cầu của bỏ phiếu điện tử.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích, bỏ phiếu điện tử cũng đặt ra một số thách thức như tạo ra rào cản kĩ thuật đối với một số đối tượng khó khăn trong việc sử dụng công nghệ và kĩ thuật. Chính vì vậy, bỏ phiếu điện tử nên là một phương pháp tùy chọn bên cạnh các phương pháp thay thế khác nhằm khắc phục các rủi ro về kĩ thuật và khoảng cách kĩ thuật số như vụ việc cụ thể ở Estonia, Hoa Kì.

2.2.3. Quy định đối tượng bỏ phiếu điện tử

Ở Việt Nam, Hiến pháp Việt Nam quy định nguyên tắc bầu cử phổ thông tại Điều 7, quyền bầu cử của công dân được quy định tại Điều 27, theo đó, chủ thể tham gia bầu cử nói chung và cử tri nói riêng phải được đảm bảo rộng rãi nhất có thể. Trên tinh thần của Hiến pháp, pháp luật bầu cử Việt Nam cũng đã có những quy định để đảm bảo nguyên tắc bầu cử và quyền chính trị cơ bản này của công dân. Mặc dù pháp luật Việt Nam đã có những quy định tạo điều kiện cho mọi nhóm chủ thể có cơ hội bỏ phiếu bầu cử chẳng hạn công dân Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài có thể về nước bổ sung vào danh sách cử tri trước thời điểm bỏ phiếu 24 giờ để thực hiện quyền bỏ phiếu (khoản 4 Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015); các cử tri bị khuyết tật được nhờ người khác bỏ phiếu hộ và phải đảm bảo giữ kín thông tin lựa chọn của cử tri, các 'hòm phiếu di động' và các quy định về bỏ phiếu trước ngày bầu cử cũng là những minh chứng cho việc hiện thực hoá nguyên tắc bầu cử phổ thông cũng như đáp ứng quyền bầu cử của công dân (khoản 3, 4 Điều 69 Luật Bầu cử năm 2015). Tuy nhiên, một số quy định trên vẫn chưa có tính khả thi. Chẳng hạn như công dân Việt Nam ở nước ngoài hiếm khi trở về nước để đi bỏ phiếu hay người khuyết tật vấn cảm thấy khó khăn khi phải

chia sẻ thông tin với người được nhờ dù biết rằng họ sẽ có trách nhiệm bí mật thông tin phiếu bầu. Do vậy, bỏ phiếu điện tử với những ưu điểm không bị giới hạn về vị trí địa lý, hỗ trợ được cho cử tri khuyết tật sẽ là một giải pháp cần được cân nhắc.

3. Kết luận

Tóm lại, ứng dụng sức mạnh của hệ thống công nghệ thông tin giúp chúng ta có quy trình bầu cử tốt hơn.Việc đưa hệ thống bỏ phiếu điện tử vào áp dụng không thể được đồng hóa với việc mở rộng đơn giản các quy định hiện hành để bao gồm việc sử dụng các giải pháp được hỗ trợ điện tử. Trong mục tiêu xa hơn, cần phải xem xét lại các yêu cầu và thủ tục, cũng như có thể là tái thiết kế quy trình. Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trong các mặt của đời sống xã hội mở ra tương lai cho việc áp dụng bỏ phiếu điện tử trong bầu cử ở Việt Nam trong thời gian tới. Các kinh nghiệm của các quốc gia được xem xét khi xây dựng và áp dụng các quy định pháp lý về bỏ phiếu điện tử.

Tài liệu tham khảo

[1] J. P. Gibson, R. Krimmer, V. Teague, and J. Pomares (2016), *A review of E-voting: the past, present and future (tạm dịch: Tổng quan về bỏ phiếu điện tử: Quá khứ, hiện tại và tương lai). Ann. Telecommun,* vol. 71 (7-8), 279–286, doi: 10.1007/s12243-016-0525-8.

[2] K. William J. (2025), *The Internet Voting Research and Education Fund: Internet Voting in the USA: History and Prospects; or, How NIST has Misled Congress and the American People about Internet Voting Insecurity (tạm dịch: Bỏ phiếu qua Internet ở Hoa Kì: Lịch sử và Triển vọng; hay làm thế nào NIST đã đánh lừa Quốc hội và người dân Mỹ về sự bất an trong việc bỏ phiếu trên Internet),* nguồn: https://www.eac.gov/sites/default/files/eac_assets/1/28/William-Kelleher-Internet-Voting-WPSA-Paper-July-9th.pdf, truy cập ngày 8/02, 2025.

[3] P. Mile (2025), *Voting online is very risky. But hundreds of thousands of people are already doing it (tạm dịch: Bỏ phiếu trực tuyến rất rủi ro, nhưng hàng trăm ngàn người dân đã tiến hành nó*), nguồn: https://www.npr.org/2023/09/07/1192723913/internet-voting-ex-plainer, truy cập ngày 8/2, 2025.

[4] WeareSocial & Meltwater (2025), *Báo cáo Digital Việt Nam 2024*, ngày 03/8/2025.

[5] Văn phòng Chính phủ (2024), *Thông báo số 369/TB-VPCP ngày 9/8/2024 về Kết luận Hội nghị thường trực Chính phủ về chuyển đổi số với các đồng chí Bộ trưởng, Trưởng ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.*

NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG, CHỐNG...

Tiếp theo trang 283

3. Kết luận

Mua bán người được Liên Hợp quốc xếp hạng là một trong 4 loại tội phạm nguy hiểm nhất hiện nay, có nguồn thu bất chính cao chỉ đứng sau tội phạm ma túy và buôn bán vũ khí. MBN cũng được xếp vào loại tội ác chống lại loài người bởi nó xâm phạm nghiêm trọng tới quyền con người, xâm phạm an ninh con người, trong đó có những quyền cơ bản nhất như: quyền tự do đi lại, quyền được bảo vệ an toàn về tính mạng, sức khỏe, quyền lao động… Vì thế, công tác đấu tranh với TPMBN ở Việt Nam được thực hiện với tinh thần quyết liệt, không khoan nhượng, mục đích cao nhất là bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người. Để tăng cường công tác phòng, chống TPMBN, góp phần bảo đảm an ninh trật tự, công tác tuyên truyền vẫn được xác định là công tác trọng tâm, được quan tâm chỉ đạo thực hiện và cũng là biện pháp phòng ngừa tích cực nhằm hạn chế, tiến tới loại trừ nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tình trạng MBN và đó cũng chính là công tác quản lý về an ninh, trật tự. Vì vậy, mỗi gia đình, cá nhân cần nêu cao tinh thần cảnh giác tự bảo vệ mình và người thân không để bị dụ dỗ và lừa gạt. Đề cao cảnh giác với người lạ, những lời dụ dỗ tìm việc làm có thu nhập cao, lấy chồng nước ngoài giàu có và luôn luôn cảnh giác với những mối quan hệ quen biết trên MXH nhất là những người không rõ nhân thân, lai lịch…. Khi xảy ra vụ việc, nạn nhân hoặc người nhà nạn nhân cần liên hệ cơ quan Công an gần nhất để cung cấp thông tin về đối tượng để được điều tra và hỗ trợ.

Tài liệu tham khảo

[1] Quốc hội (2018), *Luật An ninh mạng*, Luật số 24/2018/QH14, ngày 12/6/2018.

[2] Bộ Công an (2022), *Báo cáo tổng kết tại Hội nghị của Chính phủ tổng kết 5 năm (2018-2022) về phòng, chống mua bán người.*

[3] Quốc hội (2011), *Luật Phòng, chống mua bán người*, Luật số 66/2011/QH12, ngày 29/3/2011.

[4] Quốc hội (2017), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13*, Luật số 12, ngày 20/6/2017 (Điều 150, 151).

[5] Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Luật số 101/2015/QH13, ngày 27/11/2015 (Điều 150, 151).